

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BẮC TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: **02/2019/DS-ST**

Ngày: 29- 3 -2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Thế Vinh;

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Hùng;

Bà Nguyễn Thị Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ông Bùi Đắc Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2019 về việc: « Tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng », theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXX - ST ngày 19 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V

Trụ sở : Số * Láng Hạ, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông N – Chức vụ : Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A – Chức vụ : Phó giám đốc trung tâm pháp luật ngân hàng SME và cá nhân, theo văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người được ủy quyền lại :

+ Ông Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1993 ; địa chỉ : Khu đô thị LĐ, quận HM, thành phố Hà Nội ; có mặt.

+ Ông Nguyễn Chí Th, sinh năm 1996 ; Địa chỉ : Số * ngõ * đường VX, xã HM, huyện ĐP, thành phố Hà Nội ; có mặt.

(Theo văn bản ủy quyền số 37935/2018/UQ-VPB ngày 06/12/2018).

Bị đơn: Chị Lê Thị Hải A, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số *, ngõ * đường XD, phường XD, quận B, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Ngân hàng TMCP V đã ký với chị Lê Thị Hải A Hợp đồng tín dụng số LD161810175 ký ngày 29/6/2016 với số tiền vay là 50.000.000đ (*Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng*); Thời hạn vay: 48 tháng, tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; Mục đích sử dụng vốn: Cho vay tiêu dùng. Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 32%/năm. Mức lãi suất được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/01 lần, vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm, kỳ điều chỉnh lần đầu tiên vào ngày 01/10/2016. Mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của Bên ngân hàng tương ứng với kỳ hạn của Hợp đồng vay tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 24%/năm. Lãi suất bán vốn là mức lãi suất do Hội sở chính của Bên ngân hàng xác định từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn tại thời điểm cơ cấu lại khoản nợ.

Theo như thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, V đã giải ngân cho chị Lê Thị Hải A toàn bộ số tiền vay. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, chị Lê Thị Hải A đã thanh toán cho ngân hàng là: tiền nợ gốc: 33.287.457 đồng, nợ lãi: 12.958.983 đồng, tiền phạt là 750.223 đồng. Tổng số nợ đã thanh toán là: 46.996.663 đồng.

Tuy nhiên, sau đó chị Lê Thị Hải A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng, tổng dư nợ tạm tính đến ngày 19/3/2019 là: nợ gốc 12.712.543 đồng, nợ lãi là: 38.862.040 đồng, phạt chậm trả lãi: 23.703.099 đồng. Tổng số tiền là: 75.277.682 đồng. Ngân hàng đề nghị chị Lê Thị Hải A thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên.

Ngoài ra, chị Lê Thị Hải A phải tiếp tục chịu lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 29/3/2019 cho đến ngày chị Hải A thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Ngân hàng yêu cầu chị Lê Thị Hải A phải chịu toàn bộ án phí và chi phí phát sinh trong quá trình giải quyết vụ án.

**** Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo tại Tòa án bị đơn chị Lê Thị Hải A trình bày:***

Chị thừa nhận có ký kết với Ngân hàng V Hợp đồng tín dụng số LD161810175 ký ngày 29/6/2016 với số tiền vay là 50.000.000đ (*Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng*); Thời gian vay, mục đích vay và lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng như phía Ngân hàng trình bày là đúng. Theo như thỏa thuận, Ngân hàng V đã giải ngân cho chị tổng

số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*). Sau khi vay, chị đã trả gốc, lãi cho ngân hàng đầy đủ như thỏa thuận. Nhưng đến năm 2017, do mẹ chị bị bệnh nên chị không đi làm mà ở nhà chăm sóc mẹ nên không có kinh tế để tiếp tục thực hiện thỏa thuận của hợp đồng. Đến nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị thanh toán số nợ tạm tính đến ngày 19/3/2019 gồm nợ gốc 12.712.543 đồng, nợ lãi là: 38.862.040 đồng, phạt chậm trả lãi: 23.703.099 đồng. Tổng số tiền là: 75.277.682 đồng và tiền lãi phát sinh. Chị thừa nhận có nợ ngân hàng số nợ gốc và lãi như trên. Hiện nay, do điều kiện kinh tế khó khăn chị không thanh toán nợ ngay cho ngân hàng được. Chị sẽ cố gắng thu xếp trả cho ngân hàng trong thời gian sớm nhất. Mong ngân hàng tạo điều kiện cho chị thêm thời gian để trả nợ và xem xét giảm tiền lãi cho chị.

Tại phiên tòa:

- Đại diện theo ủy của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu đã trình bày tại Tòa án. Đại diện nguyên đơn xác nhận tính đến ngày xét xử, chị Lê Thị Hải A đã trả được cho Ngân hàng số tiền gốc là 34.600.584 đồng. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc chị Lê Thị Hải A có nghĩa vụ thanh toán ngay số tiền nợ gốc và lãi theo các hợp đồng tín dụng tính đến ngày 29/3/2019. Tiền nợ gốc: 12.712.543 đồng, tiền nợ lãi là 39.033.660 đồng. Nguyên đơn rút yêu cầu tính khoản tiền lãi phạt chậm trả đối với bị đơn. Tổng cộng số tiền bị đơn phải thanh toán trả cho nguyên đơn là: 51.746.203 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm phát biểu ý kiến:

Việc xử lý đơn khởi kiện và thụ lý vụ án có vi phạm về thời hạn theo Điều 191 của Bộ luật tố tụng dân sự. Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử thấy rằng Thẩm phán, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình. Các đương sự chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị Lê Thị Hải A trả cho Ngân hàng V tổng số tiền là: 51.746.203 đồng (gồm 12.712.543 đồng tiền gốc + tiền lãi phải trả là 39.033.660 đồng). Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút phần yêu cầu tính lãi phạt chậm trả của nguyên đơn đối với bị đơn. Đề nghị Tòa án tuyên buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án phát sinh từ hợp đồng tín dụng, giữa Ngân hàng V với chị Lê Thị Hải A. Người bị kiện là chị Lê Thị Hải A hiện nay đang cư trú tại phường X, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo quy định tại Điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là chị Lê Thị Hải A có đơn xin xét xử vắng mặt, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Ngân hàng TMCP V và chị Lê Thị Hải A đều thừa nhận hai bên có ký kết Hợp đồng tín dụng dưới dạng thẻ số LD161810175 ký ngày 29/6/2016 với số tiền vay là 50.000.000đ (*Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng*); Thời hạn vay: 48 tháng, tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; Mục đích sử dụng vốn: Cho vay tiêu dùng. Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 32%/năm. Mức lãi suất được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/01 lần, vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm, kỳ điều chỉnh lần đầu tiên vào ngày 01/10/2016. Mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của Bên ngân hàng tương ứng với kỳ hạn của Hợp đồng vay tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 24%/năm. Lãi suất bán vốn là mức lãi suất do Hội sở chính của Bên ngân hàng xác định từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn tại thời điểm cơ cấu lại khoản nợ.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, chị Lê Thị Hải A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng và không thanh toán được nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng theo như thỏa thuận các bên đã ký kết, phía ngân hàng cũng đã thông báo đầy đủ cho chị Hải A về việc yêu cầu thanh toán nợ nhưng chị Hải A vẫn không thanh toán theo thỏa thuận nên việc Ngân hàng đã khởi kiện chị Lê Thị Hải A để thu hồi khoản nợ là có căn cứ pháp luật.

Đối với yêu cầu đòi tiền lãi của hợp đồng tín dụng trên, Hội đồng xét xử thấy: Việc nguyên đơn rút yêu cầu lãi suất phạt chậm trả đối với bị đơn là tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận. Đối với yêu cầu tính lãi phải trả, Tòa án nhận thấy: Khi ký kết hợp đồng tín dụng, hai bên đã thỏa thuận với nhau thời hạn vay, lãi suất vay, lãi suất quá hạn. Theo bảng thuyết trình tính lãi của Ngân hàng đối với khoản nợ của chị Lê Thị Hải A Hội đồng xét xử thấy: Lãi suất cho vay, lãi quá hạn do các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật và các đương sự đều thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, có căn cứ

để chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP V về số tiền lãi mà Nguyên đơn đã tính đối với chị A. Cần buộc chị Lê Thị Hải A phải thanh toán trả nguyên đơn số tiền nợ gốc và nợ phát sinh trong hợp đồng tín dụng đã giao kết.

Như vậy, tính đến ngày 29/3/2019 cần buộc chị Lê Thị Hải A phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền là: Tiền nợ gốc: 12.712.543 đồng, tiền nợ lãi là 39.033.660 đồng. Tổng cộng số tiền bị đơn phải thanh toán trả cho nguyên đơn là: 51.746.203 đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 26; Điều a Khoản 1 Điều 35; Điều 144,147; Điều 227,228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều: 280, 282, 463, 466 của Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng: Khoản 2 Điều 91; Khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V đối với chị Lê Thị Hải A về khoản nợ gốc và nợ lãi theo hợp đồng tín dụng số: LD161810175 ký ngày 29/6/2016.

2. Xác nhận số tiền chị Lê Thị Hải A còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền gốc là: 12.712.543 đồng, tiền nợ lãi là 39.033.660 đồng. Tổng cộng số tiền A phải trả cho ngân hàng thương mại cổ phần V là: 51.746.203 đồng.

3. Buộc chị Lê Thị Hải A phải trả cho ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền gốc là: 12.712.543 đồng, tiền nợ lãi là 39.033.660 đồng.

Tổng cộng số tiền Lê Thị Hải A phải trả cho ngân hàng thương mại cổ phần V là: 51.746.203 đồng.

Kể từ ngày tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm người phải thi hành án tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tương ứng với thời gian trậm trả cho đến khi trả xong nợ gốc.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án,

mức lãi suất được xác định tại các hợp đồng tín dụng số: LD161810175 ký ngày 29/6/2016 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí:

- Chị Lê Thị Hải A phải chịu số tiền là: 2.587.310 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 1.722.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số AB/2015/00025* ngày 27/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai, sơ thẩm. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Hà Nội;
- VKSND quận Bắc Từ Liêm;
- Chi cục thi hành án quận Bắc Từ Liêm;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thế Vinh